

DANH SÁCH HSSV ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm Quyết định số /QĐ-CDLC ngày / / 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai)

STT		Lớp	PT ĐT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	KQTH lần 1		KQ rèn luyện		Điểm ưu tiên	Điểm xét Học bổng	Xếp loại Học bổng
							Điểm học tập	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại			
Khoa CN Ô tô - Cơ khí: 26 HSSV													
1	1	CD.COT.K22.CLC	NC	2265102160004	Lý Duy Bảo	05/08/2004	8.60	Giỏi	90	Xuất sắc	0.4	9.00	Giỏi
2	2	CD.COT.K23.CLC	TC	2365102160030	Lý Xuân Việt	30/9/2005	3.59	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.12	3.71	Xuất sắc
3	3	CD.COT.K23.CLC	TC	2365102160020	Triệu Minh Phúc	13/09/2005	3.59	Xuất sắc	91	Xuất sắc		3.59	Xuất sắc
4	4	CD.COT.K23C	TC	2365102160127	Bùi Anh Thiện	21/06/1996	3.20	Giỏi	95	Xuất sắc	0.16	3.36	Giỏi
5	5	CD.COT.K23C	TC	2365102160137	Đỗ Anh Tuấn	06/08/2005	3.30	Giỏi	85	Tốt		3.30	Giỏi
6	6	CD.COT.K23C	TC	2365102160117	Lý Văn Khánh	26/01/2005	3.17	Giỏi	86	Tốt		3.17	Giỏi
7	7	CD.COT.K23B	TC	2365102160077	Vàng Văn Chương	16/01/2005	3.00	Giỏi	92	Xuất sắc	0.16	3.16	Giỏi
8	8	CD.COT.K23A	TC	2365102160041	Ngô Tiến Điệp	16/9/2005	3.00	Giỏi	91	Xuất sắc	0.16	3.16	Giỏi
9	9	CD.COT.K24.CLC	TC	2465102160007	Trần Đức Đạt	08/6/2006	3.18	Giỏi	95	Xuất sắc	0.16	3.34	Giỏi
10	10	CD.COT.K24.CLC	TC	2465102160009	Lương Trung Hiếu	27/10/2006	2.90	Khá	93	Xuất sắc		2.90	Khá
11	11	CD.COT.K24A	TC	2465102160043	Lương Mạnh Dương	19/01/2003	3.38	Giỏi	95	Xuất sắc	0.16	3.54	Giỏi
12	12	CD.COT.K24B	TC	2465102160083	Đặng Văn Lực	18/12/2006	3.28	Giỏi	90	Xuất sắc		3.28	Giỏi
13	13	CD.COT.K24A	TC	2465102160030	Hứa Ngọc Anh	16/9/2006	3.19	Giỏi	80	Tốt		3.19	Giỏi
14	14	CD.COT.K24A	TC	2465102160062	Mai Trung Thành	09/07/1995	3.14	Giỏi	90	Xuất sắc		3.14	Giỏi
15	15	CD.COT.K24B	TC	2465102160076	Trần Chí Khiêm	27/9/2006	3.06	Giỏi	90	Xuất sắc	0.08	3.14	Giỏi
16	16	CD.COT.K24B	TC	2465102160096	Tao Văn Sơn	25/01/2006	3.06	Giỏi	90	Xuất sắc	0.08	3.14	Giỏi
17	17	CD.COT.K24B	TC	2465102160068	Nguyễn Hoàng Hiệp	18/11/2006	3.00	Giỏi	90	Xuất sắc	0.12	3.12	Giỏi
18	18	CD.HAN.K23	TC	2365201230001	Nguyễn Tuấn Anh	26/7/2005	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
19	19	CD.HAN.K24	TC	2465201230002	Chào Văn Đức	03/9/2005	3.10	Giỏi	95	Xuất sắc	0.16	3.26	Giỏi
20	20	TC.COT.K23.5A	TC	2355102160063	Má A Chúng	13/10/2005	2.75	Khá	90	Xuất sắc	0.12	2.87	Khá
21	21	TC.COT.K23.5A	TC	2355102160016	Nguyễn Thành Luân	23/07/2008	2.70	Khá	90	Xuất sắc	0.16	2.86	Khá
22	22	TC.COT.K23.5B	TC	2355102160069	Mai Xuân Liêm	22/4/2008	2.81	Khá	94	Xuất sắc		2.81	Khá
23	23	TC.COT.K24.5A	TC	2455102160013	Thào A Mạnh	07/11/2009	2.70	Khá	88	Tốt		2.70	Khá
24	24	TC.COT.K24.5A	TC	2455102160008	Chào Ông Khé	11/9/2009	2.60	Khá	87	Tốt		2.60	Khá
25	25	TC.HAN.K23.5	TC	2355201230011	Nguyễn Đức Khanh	01/9/2008	3.31	Giỏi	90	Xuất sắc	0.16	3.47	Giỏi
26	26	TC.HAN.K24.5	TC	2455201230008	Triệu Văn Long	26/10/2009	2.50	Khá	90	Xuất sắc	0.16	2.66	Khá
Khoa Điện: 36 HSSV													
27	1	CD.ĐCN.K23.CLC	TC	2365202270027	Phạm Anh Tuấn	14/02/2005	3.63	Xuất sắc	88	Tốt	0.08	3.71	Giỏi
28	2	CD.ĐCN.K23.CLC	TC	2365202270012	Phan Văn Khải	07/08/2005	3.63	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.75	Xuất sắc
29	3	CD.ĐCN.K23B	TC	2365202270079	Nguyễn Đình Hiếu	11/01/2004	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
30	4	CD.ĐCN.K23A	TC	2365202270064	Lù Văn Thức	16/4/2003	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
31	5	CD.ĐCN.K23B	TC	2365202270127	Phìn Anh Pháp	17/3/2002	3.90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.08	3.98	Xuất sắc
32	6	CD.ĐCN.K23A	TC	2365202270039	Vàng Văn Hải	17/10/2005	3.76	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.08	3.84	Xuất sắc
33	7	CD.ĐCN.K23B	TC	2365202270128	Lý Văn Sơn	07/9/2001	3.62	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.62	Xuất sắc
34	8	CD.ĐCN.K24.CLC	TC	2465202270007	Nguyễn Minh Hiếu	27/5/2006	3.75	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.75	Xuất sắc
35	9	CD.ĐCN.K24B	TC	2465202270067	Lò Văn Phúc	03/12/1996	3.59	Xuất sắc	88	Tốt	0.08	3.67	Giỏi
36	10	CD.ĐCN.K24A	TC	2465202270028	Trương Tuấn Anh	08/5/2006	3.42	Giỏi	81	Tốt	0.08	3.50	Giỏi
37	11	CD.ĐCN.K24C	TC	2465202270114	Lò Văn Xuân	08/3/2002	3.12	Giỏi	90	Xuất sắc	0.16	3.28	Giỏi
38	12	CD.ĐCN.K24A	TC	2465202270022	Nguyễn Thiêm Hoan	06/8/2004	3.89	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.12	4.01	Xuất sắc
39	13	CD.ĐCN.K24B	TC	2465202270079	Hoàng Xuân Thạch	28/7/2002	3.82	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.94	Xuất sắc
40	14	CD.ĐCN.K24A	TC	2465202270039	Nguyễn Việt Hoàng	19/3/2003	3.53	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.69	Xuất sắc
41	15	CD.KML.K23	TC	2365202050015	Hoàng Anh Đức Mạnh	14/9/2005	3.17	Giỏi	91	Xuất sắc	0.16	3.33	Giỏi
42	16	CD.KML.K23	TC	2365202050021	Sầm Minh Quân	01/4/2005	3.33	Giỏi	81	Tốt		3.33	Giỏi

STT		Lớp	PT ĐT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	KQTH lần 1		KQ rèn luyện		Điểm ưu tiên	Điểm xét Học bổng	Xếp loại Học bổng
							Điểm học tập	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại			
43	17	CĐ.KML.K24B	TC	2465202050044	Vương Văn Trường	25/4/2006	3.53	Xuất sắc	84	Tốt		3.53	Giỏi
44	18	CĐ.KML.K24B	TC	2465202050035	Sê Văn Lai	14/01/2003	3.33	Giỏi	82	Tốt	0.16	3.49	Giỏi
45	19	CĐ.KML.K24A	TC	2465202050009	Phùng Kim Ngọc	26/12/2002	3.29	Giỏi	84	Tốt	0.16	3.45	Giỏi
46	20	CĐ.VTĐ.K23B	TC	2365202460094	Tân Cao Tân	13/12/2002	3.88	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	4.04	Xuất sắc
47	21	CĐ.VTĐ.K23A	TC	2365202460027	Giàng A Mông	14/12/2004	4.00	Xuất sắc	98	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
48	22	CĐ.VTĐ.K23B	TC	2365202460062	Trần Minh Đức	07/7/1998	3.81	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.93	Xuất sắc
49	23	CĐ.VTĐ.K23A	TC	2365202460005	Cử A Cử	05/02/2005	3.73	Xuất sắc	97	Xuất sắc		3.73	Xuất sắc
50	24	CĐ.VTĐ.K23A	TC	2365202460041	Lù Văn Thế	15/01/2005	3.73	Xuất sắc	96	Xuất sắc		3.73	Xuất sắc
51	25	CĐ.VTĐ.K23A	TC	2365202460051	Nguyễn Thế Tùng	05/3/1993	3.73	Xuất sắc	95	Xuất sắc		3.73	Xuất sắc
52	26	CĐ.VTĐ.K24B	TC	2465202460050	Lý Thị Phương	13/01/2006	3.33	Giỏi	92	Xuất sắc	0.12	3.45	Giỏi
53	27	CĐ.VTĐ.K24A	TC	2465202460023	Vương Hải Hiệp	26/6/2006	3.30	Giỏi	95	Xuất sắc		3.30	Giỏi
54	28	CĐ.VTĐ.K24A	TC	2465202460006	Phản Văn Đăng	20/8/2006	3.30	Giỏi	95	Xuất sắc		3.30	Giỏi
55	29	CĐ.VTĐ.K24B	TC	2465202460048	Cháo San Phin	10/3/2006	3.13	Giỏi	89	Tốt	0.08	3.21	Giỏi
56	30	CĐ.VTĐ.K24B	TC	2465202460040	Pờ Thị Linh	08/9/2005	3.00	Giỏi	91	Xuất sắc	0.16	3.16	Giỏi
57	31	CĐ.VTĐ.K24C	TC	2465202460081	Lù Đức Lương	20/11/2006	3.12	Giỏi	90	Xuất sắc		3.12	Giỏi
58	32	CĐ.VTĐ.K24B	TC	2465202460045	Vàng Thị Như	14/5/2005	3.00	Giỏi	92	Xuất sắc	0.08	3.08	Giỏi
59	33	TC.ĐCN.K23.5	TC	2355202270014	Tàng Văn Học	03/01/1900	3.65	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.77	Xuất sắc
60	34	TC.KML.K23.5	TC	2355202050004	Hoàng Hải Đăng	13/10/2008	3.10	Giỏi	87	Tốt	0.16	3.26	Giỏi
61	35	TC.KML.K24.5	TC	2455202050010	Giàng A Thái	20/11/2009	2.84	Khá	90	Xuất sắc	0.16	3.00	Khá
62	36	TC.VTĐ.K23.5	TC	2355202460014	Giàng Quốc Tài	11/8/2008	3.67	Xuất sắc	84	Tốt	0.16	3.83	Giỏi
Khoa CN Thông tin - Ngoại ngữ: 34 HSSV													
63	1	CĐ.CNT.K23	TC	2364802020005	Lý Thị Thanh Đình	07/5/2005	3.68	Xuất sắc	84	Tốt	0.12	3.80	Giỏi
64	2	CĐ.CNT.K24	TC	2464802020017	Giàng Seo Pao	26/01/2006	3.29	Giỏi	88	Tốt		3.29	Giỏi
65	3	CĐ.CNT.K24	TC	2464802020022	Nguyễn Hồng Sim	08/5/2005	3.14	Giỏi	83	Tốt		3.14	Giỏi
66	4	CĐ.TAN.K23	TC	2362202060006	Nông Hà Sông Lam	20/3/1999	3.64	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	3.80	Xuất sắc
67	5	CĐ.TAN.K24	TC	2462202060008	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	23/9/2006	3.90	Xuất sắc	95	Xuất sắc	0.08	3.98	Xuất sắc
68	6	CĐ.TTQ.K23C	TC	2362202090130	Vàng Thị Xuyên	26/01/2005	4.00	Xuất sắc	95	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
69	7	CĐ.TTQ.K23A	TC	2362202090003	Đồng Linh Chi	16/03/2004	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
70	8	CĐ.TTQ.K23A	TC	2362202090025	Lò Thanh Lợi	18/10/2005	4.00	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
71	9	CĐ.TTQ.K23E	TC	2362202090205	Đồng Thị Oanh	07/3/2005	4.00	Xuất sắc	93	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
72	10	CĐ.TTQ.K23D	TC	2362202090138	Sùng Thị Dù	23/3/1996	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
73	11	CĐ.TTQ.K23D	TC	2362202090162	Hà Vũ Thu Phương	20/3/2005	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
74	12	CĐ.TTQ.K23B	TC	2362202090052	Giàng Thị Dờ	14/5/2005	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
75	13	CĐ.TTQ.K23B	TC	2362202090077	Vi Thị Thắm	08/02/2005	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
76	14	CĐ.TTQ.K23D	TC	2362202090158	Hoàng Thị Kim Ngân	28/4/2005	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
77	15	CĐ.TTQ.K23D	TC	2362202090174	Thần Thúy Vân	06/7/2005	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
78	16	CĐ.TTQ.K23A	TC	2362202090005	Goàng Sín Choang	09/02/2005	3.86	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.12	3.98	Xuất sắc
79	17	CĐ.TTQ.K23A	TC	2362202090017	Sùng Thị Hoa	01/11/2005	3.86	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.12	3.98	Xuất sắc
80	18	CĐ.TTQ.K24A	TC	2462202090036	Phan Thị Thanh Xuân	17/7/2006	4.00	Xuất sắc	93	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
81	19	CĐ.TTQ.K24G	TC	2462202090214	Tạ Thị Hương Sâm	04/7/2006	4.00	Xuất sắc	93	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
82	20	CĐ.TTQ.K24G	TC	2462202090212	Lèng Thị Quý	10/3/2005	4.00	Xuất sắc	94	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
83	21	CĐ.TTQ.K24B	TC	2462202090067	Má Thị Su	08/9/2002	4.00	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
84	22	CĐ.TTQ.K24A	TC	2462202090009	Hoàng Thị Điềm	02/10/2004	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
85	23	CĐ.TTQ.K24B	TC	2462202090048	Giàng Thị Liên	07/6/2006	3.90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.12	4.02	Xuất sắc
86	24	CĐ.TTQ.K24D	TC	2462202090138	Đèo Bảo Lan	02/11/2005	3.90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.12	4.02	Xuất sắc
87	25	CĐ.TTQ.K24C	TC	2462202090094	Lù Thị Hạnh	10/8/2003	3.89	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	4.01	Xuất sắc
88	26	CĐ.TTQ.K24A	TC	2462202090018	Phản Thị Anh Thư	06/4/2006	4.00	Xuất sắc	98	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
89	27	CĐ.TTQ.K24B	TC	2462202090042	Hoàng Minh Giang	18/10/2006	4.00	Xuất sắc	91	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc

STT		Lớp	PT ĐT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	KQTH lần 1		KQ rèn luyện		Điểm ưu tiên	Điểm xét Học bổng	Xếp loại Học bổng
							Điểm học tập	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại			
90	28	CD.TTQ.K24B	TC	246220209070	Lò Thị Tầm	18/8/2003	4.00	Xuất sắc	91	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
91	29	CD.TTQ.K24G	TC	2462202090225	Vàng Thị Thái	15/02/2003	4.00	Xuất sắc	91	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
92	30	TC.TTQ.K23.5A	TC	2352202090020	Ma Seo Nhà	24/6/2008	3.50	Xuất sắc	80	Tốt	0.08	3.58	Giỏi
93	31	TC.TTQ.K23.5A	TC	2352202090002	Thào Seo Dâu	10/10/2006	3.40	Giỏi	92	Xuất sắc	0.12	3.52	Giỏi
94	32	TC.TTQ.K24.5A	TC	2452202090012	Cáo Thị Hiền	28/8/1994	3.86	Xuất sắc	93	Xuất sắc		3.86	Xuất sắc
95	33	TC.TTQ.K24.5A	TC	2452202090013	Sùng Thị Thu Hương	02/6/2003	3.67	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	3.83	Xuất sắc
96	34	TC.TTQ.K24.5A	TC	2452202090007	Chào Mùi Ghén	30/4/2009	3.58	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.70	Xuất sắc
Khoa Kinh tế, Nông lâm, Xây dựng: 7 HSSV													
97	1	CD.KTO.K23A	TC	2363403010039	Lò Thị Tuyết	18/03/2004	4.00	Xuất sắc	98	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
98	2	CD.KTO.K23B	TC	2363403010066	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03/9/2003	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
99	3	CD.KTO.K23A	TC	2363403010013	Trần Thị Thanh Hà	22/12/2005	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
100	4	CD.KTO.K24	TC	2463403010002	Tần Thị Ngọc Anh	15/01/2004	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
101	5	CD.KTO.K24	TC	2463403010010	Mai Thị Hồng	30/4/2006	3.54	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.70	Xuất sắc
102	6	CD.THY.K24	TC	2466401010005	Lò Minh Đáng	04/10/2005	3.68	Xuất sắc	93	Xuất sắc	0.16	3.84	Xuất sắc
103	7	CD.THY.K23	TC	2366401010007	Tần Láo Tả	05/12/2004	3.56	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.72	Xuất sắc
Khoa Văn hóa Nghệ thuật: 8 HSSV													
104	1	CD.PAN.K24	TC	2462102210004	Chào A Nây	01/02/1993	3.86	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.86	Xuất sắc
105	2	CD.DVM.K23	TC	2362102130003	Tông Thị Hạnh	03/03/2004	3.84	Xuất sắc	95	Xuất sắc		3.84	Xuất sắc
106	3	CD.TNH.K23	TC	2362102250005	Vũ Thị Nguyệt	13/12/2005	3.50	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.66	Xuất sắc
107	4	TC.NBM.K23.5	TC	2352102070007	Lường Gia Hưng	16/01/2008	3.80	Xuất sắc	95	Xuất sắc	0.16	3.96	Xuất sắc
108	5	TC.NBM.K23.5	TC	2352102070006	Lò Thái Hoàng	21/05/2008	3.80	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.80	Xuất sắc
109	6	TC.NBM.K23.5	TC	2352102070014	Lường Mạnh Toàn	12/01/2008	3.80	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.80	Xuất sắc
110	7	TC.ORG.K23.5	TC	2352102240006	Hoàng Minh Sơn	26/01/2008	3.60	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.76	Xuất sắc
111	8	TC.HHO.K23.5	TC	2352101030006	La Minh Thúy	22/01/2008	3.57	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	3.73	Xuất sắc
Khoa Y - Dược: 20 HSSV													
112	1	CD.ĐDU.K22	TC	2267203010001	Phàn Thị An	23/7/2004	3.75	Xuất sắc	94	Xuất sắc	0.12	3.87	Xuất sắc
113	2	CD.ĐDU.K22	TC	2267203010028	Lê Quốc Khánh	27/12/2003	3.75	Xuất sắc	94	Xuất sắc		3.75	Xuất sắc
114	3	CD.ĐDU.K23	TC	2367203010109	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/5/2005	3.80	Xuất sắc	94	Xuất sắc	0.08	3.88	Xuất sắc
115	4	CD.ĐDU.K23	TC	2367203010131	Nguyễn Thị Yên	23/4/2005	3.80	Xuất sắc	92	Xuất sắc		3.80	Xuất sắc
116	5	CD.ĐDU.K24D	TC	2467203010125	Vàng Quế Anh	10/9/2004	3.43	Giỏi	93	Xuất sắc		3.43	Giỏi
117	6	CD.ĐDU.K24C	TC	2467203010098	Hoàng Thị Lan	14/01/2001	3.33	Giỏi	80	Tốt		3.33	Giỏi
118	7	CD.ĐDU.K24C	TC	2467203010080	Nguyễn Trương Đức Anh	18/10/2005	3.19	Giỏi	86	Tốt	0.12	3.31	Giỏi
119	8	CD.ĐDU.K24C	TC	2467203010094	Nguyễn Thị Thanh Hoa	25/12/2006	3.19	Giỏi	85	Tốt	0.08	3.27	Giỏi
120	9	CD.ĐDU.K24E	TC	2467203010213	Nguyễn Thành Vinh	05/12/2000	3.09	Giỏi	88	Tốt		3.09	Giỏi
121	10	CD.ĐDU.K24C	TC	2467203010106	Đỗ Lệ Quyên	07/5/2006	3.00	Giỏi	80	Tốt		3.00	Giỏi
122	11	CD.ĐDU.K24E	TC	2467203010177	Linh Mạnh Cường	06/02/2004	2.82	Khá	88	Tốt	0.16	2.98	Khá
123	12	CD.ĐDU.K24D	TC	2467203010142	Hà Thị Luyện	29/4/1998	2.95	Khá	86	Tốt		2.95	Khá
124	13	CD.ĐDU.K24E	TC	2467203010214	Nguyễn Thị Xuân	17/12/2006	2.91	Khá	88	Tốt		2.91	Khá
125	14	CD.ĐDU.K24C	TC	2467203010092	Phạm Thị Hiền	16/10/1999	2.90	Khá	80	Tốt		2.90	Khá
126	15	CD.DUO.K23	TC	2267202010020	Mã Thị Quỳnh Nga	6/9/2004	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
127	16	CD.DUO.K23	TC	2367202010057	Trần Thị Thu Hà	23/3/1996	3.81	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.12	3.93	Xuất sắc
128	17	CD.DUO.K23	TC	2367202010083	Nguyễn Thị Thảo	24/4/1992	3.56	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.64	Xuất sắc
129	18	CD.DUO.K24A	TC	2467202010004	Hoàng Thị Dính	20/7/2002	3.48	Giỏi	95	Xuất sắc	0.16	3.64	Giỏi
130	19	CD.DUO.K24A	TC	2467202010025	Phan Bích Ngọc	02/01/2006	3.48	Giỏi	90	Xuất sắc		3.48	Giỏi
131	20	CD.DUO.K24A	TC	2467202010001	Lưu Thị Ánh	22/3/2006	3.62	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.62	Xuất sắc
Khoa Du lịch: 20 HSSV													
132	1	CD.HDL.K23A	TC	2368101030015	Nguyễn Thị Nhung	18/07/2001	4.00	Xuất sắc	94	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
133	2	CD.HDL.K24	TC	2468101030029	Chào Tả Mây	14/03/2006	3.80	Xuất sắc	91	Xuất sắc		3.80	Xuất sắc

STT		Lớp	PT ĐT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	KQTH lần 1		KQ rèn luyện		Điểm ưu tiên	Điểm xét Học bổng	Xếp loại Học bổng
							Điểm học tập	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại			
134	3	CĐ.HDL.K24	TC	2468101030012	Đặng Thị Hồng Duyên	27/11/2002	3.60	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.08	3.68	Xuất sắc
135	4	CĐ.HDL.K24	TC	2468101030020	Nguyễn Tiến Hoàng	10/08/2006	3.50	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.08	3.58	Xuất sắc
136	5	CĐ.QDL.K23	TC	2368101010032	Vi Trần Hải Nguyên	16/9/2005	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
137	6	CĐ.QDL.K23	TC	2368101010035	Chào Thị Nhân	12/12/2002	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
138	7	CĐ.QDL.K23	TC	2368101010001	Mâu Thị Quỳnh Anh	17/3/2005	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
139	8	CĐ.QDL.K24	TC	2468101010001	Đinh Thị Phương Anh	01/8/2006	3.67	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.83	Xuất sắc
140	9	CĐ.QDL.K24	TC	2468101010029	Hạng Thị Tùng	03/9/2006	3.72	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.80	Xuất sắc
141	10	CĐ.QKS.K23	TC	2368102010015	Hà Hồng Liên	11/3/2005	3.17	Giỏi	90	Xuất sắc	0.08	3.25	Giỏi
142	11	CĐ.QKS.K23	TC	2368102010030	Hà Thị Trang	19/4/2005	4.00	Xuất sắc	94	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
143	12	CĐ.QKS.K24	TC	2468102010019	Tân Tà Mây	08/11/2005	3.70	Xuất sắc	93	Xuất sắc		3.70	Xuất sắc
144	13	CĐ.QKS.K24	TC	2468102010020	Hoàng Ngọc Minh	30/01/2006	3.50	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.50	Xuất sắc
145	14	TC.HDL.K23.5	TC	2358101030011	Nguyễn Văn Lâm	29/02/2004	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
146	15	TC.HDL.K24.5	TC	2458101030003	Ma Lìn Chân	07/01/2009	2.88	Khá	88	Tốt		2.88	Khá
147	16	TC.NNK.K23.5.CLC	TC	2358102050025	Phạm Hải Yên	11/9/2008	3.88	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.96	Xuất sắc
148	17	TC.NNK.K23.5.CLC	TC	2358102050017	Lý Mùi Phẩy	10/12/2008	3.75	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.87	Xuất sắc
149	18	TC.NNK.K23.5B	TC	2358102050091	Hoàng Quốc Trịnh	10/2/2005	3.60	Xuất sắc	82	Tốt		3.60	Giỏi
150	19	TC.NNK.K23.5A	TC	2358102050044	Giàng Thị Tuyết Ngân	25/05/2008	3.50	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.50	Xuất sắc
151	20	TC.NNK.K24.5.CLC	TC	2458102050007	Lý Xuân Luân	07/09/2009	2.67	Khá	76	Khá		2.67	Khá

Tổng số: 151 học sinh - sinh viên nhận học bổng.

- Xuất sắc: 88/ 151 = 58.28 %

- Giỏi: 49/ 151 = 32.45 %

- Khá: 14/ 151 = 9.27 %